

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2020/DS-ST**
Ngày 08-9-2020
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thảo Nhi

Ông Dư Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Kim T, sinh năm 1979 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị V (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Minh N, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Kim T trình bày:

Bà Lê Thị V có tham gia 02 dây hội do bà chủ cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất mở ngày 02/6/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một kỳ, tổng số 22 phần, bà V tham gia 01 phần, kê giá 360.000 đồng hót được số tiền là 34.520.000 đồng vào kỳ khai hội lần thứ tư (ngày 02/9/2019 âm lịch). Sau khi hót hội, bà V đóng lại hội chết đến hết tháng 12/2019 âm lịch. Từ tháng 01 đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch (do nhuận hai tháng 4), bà V không đóng hội chết nên bà phải đóng thay cho bà V 05 kỳ bằng 10.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai mở ngày 02/6/2019 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, mỗi

tháng khai một kỳ, tổng số 22 phần, bà V tham gia 01 phần, kê giá 600.000 đồng hốt được số tiền là 49.500.000 đồng vào kỳ khai hội lần thứ hai (ngày 02/7/2019 âm lịch). Sau khi hốt hội, bà V đóng lại hội chết đến hết tháng 12/2019 âm lịch. Từ tháng 01 đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch (do nhuận hai tháng 4), bà V không đóng hội chết nên bà phải đóng thay cho bà V 05 kỳ bằng 15.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hội chết của hai dây hội mà bà V không đóng tính từ tháng 01 đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch (do nhuận hai tháng 4) là 25.000.000 đồng. Tại các hợp đồng chơi hội thể hiện ông Đỗ Minh N là chủ hội nhưng thực tế do bà làm chủ hội, bà là người gom và giao tiền hội cho các hội viên. Tại địa phương nhiều người không biết tên bà nên bà mới ghi tên của chồng bà là ông Đỗ Minh N là chủ hội. Do đó, bà yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Lê Thị V trả lại cho bà số tiền hội chết của hai dây hội từ tháng 01 đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch (do nhuận hai tháng 4) là 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đỗ Minh N trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Tạ Kim T về việc bà Lê Thị V có tham gia 02 dây hội do bà T làm chủ hội. Ông xác định quá trình giao dịch hội với bà V đều do bà T thực hiện, do đó ông không có yêu cầu trong vụ án này.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Lê Thị V không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hội và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Kim T thấy rằng:

Bà Lê Thị V tham gia hai dây hội do bà Tạ Kim T làm chủ, một dây loại 2.000.000 đồng và một dây loại 3.000.000 đồng cùng mở ngày 02/6/2019 âm lịch, mỗi tháng khai 01 kỳ, tổng số 22 phần. Bà V tham gia mỗi dây một phần, đều đã hốt xong. Sau khi hốt, bà V đóng lại hội chết đến tháng 12/2019 âm lịch, sau đó không đóng nữa mà bỏ đi khỏi địa phương. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hội chết từ tháng 01 đến tháng 4 sau năm 2020 âm lịch (do nhuận hai tháng 4) là 05 kỳ tương ứng với các kỳ khai hội từ lần thứ 8 đến 12 của hai dây hội.

Xét thấy việc bà T tổ chức hội có lập thành văn bản có tên là “Hợp đồng chơi hội” thể hiện rõ các thành viên và phương thức tham gia, phù hợp với quy định pháp luật nên các bên tham gia có quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường quy định thành viên tham gia hội có nghĩa vụ phải đóng đủ các phần theo thỏa thuận. Tuy tại các “Hợp đồng chơi hội” thể hiện ông Đỗ Minh N là chủ hội nhưng tại phiên tòa, ông N, bà T xác định quá trình giao dịch hội với các hội viên đều do bà T thực hiện, đồng thời ông N không có yêu cầu trong vụ án. Việc giao nhận tiền hội đã hót được thể hiện bằng biên nhận ghi rõ số tiền và bà T, bà V cùng ký tên xác nhận. Do đó có cơ sở xác định bà T là chủ hội của hai dây hội đã nêu.

Tại thời điểm bà T khởi kiện thì các dây hội mà bà V tham gia đều chưa mãn, do bà V không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hội của hội viên nên bà T yêu cầu bà V phải trả lại cho bà số tiền hội mà bà với vai trò chủ hội đã đóng thay bà V. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bà V nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà V đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia hội nên phải có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền tương ứng với các phần hội mà bà T đã đóng thay cho bà V với tổng số tiền là 25.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận cụ thể: 25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Kim T. Buộc bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Kim T số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và

thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng (chưa nộp). Bà Tạ Kim T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 625.000 (sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005001 ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T, ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý